

**BÁO CÁO THÔNG KÊ**  
**Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính**  
(Từ ngày 05/07/2024 đến ngày 11/07/2024)

| STT | Tên cơ quan                     | Hồ sơ kỳ trước chuyên sang | Hồ sơ tiếp nhận    |         | Tổng hồ sơ phải xử lý | Hồ sơ xin hủy      |        | Hồ sơ đã xử lý     |          |         |                |          |         | Hồ sơ đang xử lý |
|-----|---------------------------------|----------------------------|--------------------|---------|-----------------------|--------------------|--------|--------------------|----------|---------|----------------|----------|---------|------------------|
|     |                                 |                            | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế  |                       | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế | Phát sinh trong kỳ |          |         | Lũy kế         |          |         |                  |
|     |                                 |                            |                    |         |                       |                    |        | Tổng số            | Đúng hạn | Trễ hạn | Tổng số        | Đúng hạn | Trễ hạn |                  |
| A   | B                               | (1)                        | (2)                | (3)     | (4)=(1)+(2)           | (5)                | (6)    | (7)=(8)+(9)        | (8)      | (9)     | (10)=(11)+(12) | (11)     | (12)    | (13)=(4)-(5)-(7) |
| 1   | Ban Quản lý Khu Kinh tế         | 0                          | 2                  | 23      | 2                     | 0                  | 0      | 0                  | 0        | 0       | 22             | 22       | 0       | 2                |
| 2   | Bảo hiểm Xã hội                 | 315                        | 575                | 15.237  | 890                   | 0                  | 0      | 638                | 638      | 0       | 15.382         | 15.382   | 0       | 252              |
| 3   | Công an tỉnh                    | 4.806                      | 771                | 11.726  | 5.577                 | 0                  | 0      | 2                  | 2        | 0       | 7.816          | 7.816    | 0       | 5.575            |
| 4   | Sở Giao thông Vận tải           | 428                        | 596                | 14.570  | 1.024                 | 0                  | 0      | 825                | 825      | 0       | 14.627         | 14.627   | 0       | 199              |
| 5   | Sở Kế hoạch và Đầu tư           | 38                         | 249                | 3.417   | 287                   | 0                  | 0      | 236                | 236      | 0       | 3.451          | 3.451    | 0       | 51               |
| 6   | Công ty CP Điện nước An Giang   | 0                          | 0                  | 0       | 0                     | 0                  | 0      | 0                  | 0        | 0       | 0              | 0        | 0       | 0                |
| 7   | Công ty Điện lực An Giang       | 0                          | 0                  | 0       | 0                     | 0                  | 0      | 0                  | 0        | 0       | 0              | 0        | 0       | 0                |
| 8   | Sở Công Thương                  | 19                         | 762                | 23.743  | 781                   | 9                  | 63     | 749                | 749      | 0       | 23.747         | 23.747   | 0       | 23               |
| 9   | Sở Giáo dục và Đào tạo          | 282                        | 20                 | 26.750  | 302                   | 0                  | 28     | 25                 | 25       | 0       | 26.483         | 26.482   | 1       | 277              |
| 10  | Sở Khoa học và Công nghệ        | 4                          | 3                  | 55      | 7                     | 0                  | 1      | 3                  | 3        | 0       | 54             | 54       | 0       | 4                |
| 11  | Sở Lao động, Thương binh và XH  | 22                         | 7                  | 427     | 29                    | 0                  | 46     | 4                  | 4        | 0       | 381            | 380      | 1       | 25               |
| 12  | Sở Ngoại vụ                     | 2                          | 0                  | 14      | 2                     | 0                  | 0      | 2                  | 2        | 0       | 14             | 14       | 0       | 0                |
| 13  | Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn  | 52                         | 47                 | 1.283   | 99                    | 5                  | 71     | 56                 | 56       | 0       | 1.213          | 1.213    | 0       | 38               |
| 14  | Sở Nội vụ                       | 12                         | 4                  | 339     | 16                    | 0                  | 17     | 9                  | 9        | 0       | 319            | 319      | 0       | 7                |
| 15  | Sở Thông tin và Truyền thông    | 3                          | 3                  | 45      | 6                     | 1                  | 3      | 1                  | 1        | 0       | 45             | 45       | 0       | 4                |
| 16  | Sở Tài chính                    | 0                          | 1                  | 16      | 1                     | 0                  | 2      | 0                  | 0        | 0       | 13             | 13       | 0       | 1                |
| 17  | Sở Tài nguyên và Môi trường     | 78                         | 13                 | 579     | 91                    | 0                  | 3      | 18                 | 18       | 0       | 587            | 583      | 4       | 73               |
| 18  | Sở Tư pháp                      | 536                        | 316                | 9.086   | 852                   | 0                  | 22     | 331                | 331      | 0       | 9.091          | 9.090    | 1       | 521              |
| 19  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 7                          | 18                 | 362     | 25                    | 0                  | 24     | 15                 | 15       | 0       | 337            | 336      | 1       | 10               |
| 20  | Sở Xây dựng                     | 103                        | 32                 | 940     | 135                   | 13                 | 165    | 46                 | 46       | 0       | 797            | 795      | 2       | 76               |
| 21  | Sở Y tế                         | 286                        | 44                 | 1.701   | 330                   | 2                  | 40     | 76                 | 75       | 1       | 1.745          | 1.724    | 21      | 252              |
|     | Tổng cộng                       | 6.993                      | 3.463              | 110.313 | 10.456                | 30                 | 485    | 3.036              | 3.035    | 1       | 106.124        | 106.093  | 31      | 7.390            |

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Hùng

BÁO CÁO THÔNG KÊ  
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính  
(Từ ngày 05/07/2024 đến ngày 11/07/2024)

| STT       | Tên cơ quan                     | Hồ sơ kỳ trước chuyển sang | Hồ sơ tiếp nhận               |                    |          |          |                 |          |          |          | Tổng hồ sơ phải xử lý | Hồ sơ xin hủy      |        | Hồ sơ đã xử lý      |          |          |          |                     |          |          |          | Hồ sơ đang xử lý    |
|-----------|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------|----------|----------|-----------------|----------|----------|----------|-----------------------|--------------------|--------|---------------------|----------|----------|----------|---------------------|----------|----------|----------|---------------------|
|           |                                 |                            | Tổng hồ sơ phát sinh trong kỳ | Phát sinh trong kỳ |          |          | Lũy kế          |          |          |          |                       | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế | Phát sinh trong kỳ  |          |          |          | Lũy kế              |          |          |          |                     |
|           |                                 |                            |                               | Mức độ 2           | Mức độ 3 | Mức độ 4 | Tổng số         | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 |                       |                    |        | Tổng số             | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | Tổng số             | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 4 |                     |
| A         | B                               | (1)                        | (2)=(3)+(4)+(5)               | (3)                | (4)      | (5)      | (6)=(7)+(8)+(9) | (7)      | (8)      | (9)      | (10)=(1)+(2)          | (11)               | (12)   | (13)=(14)+(15)+(16) | (14)     | (15)     | (16)     | (17)=(18)+(19)+(20) | (18)     | (19)     | (20)     | (21)=(10)-(11)-(13) |
| 1         | Ban Quản lý Khu Kinh tế         | 0                          | 2                             | 0                  | 1        | 1        | 23              | 12       | 3        | 8        | 2                     | 0                  | 0      | 0                   | 0        | 0        | 0        | 22                  | 12       | 3        | 7        | 2                   |
| 2         | Bảo hiểm Xã hội                 | 315                        | 575                           | 284                | 0        | 291      | 15.237          | 7.429    | 0        | 7.808    | 890                   | 0                  | 0      | 638                 | 350      | 0        | 288      | 15.382              | 7.479    | 0        | 7.903    | 252                 |
| 3         | Công an tỉnh                    | 4.806                      | 771                           | 752                | 19       | 0        | 11.726          | 3.810    | 7.916    | 0        | 5.577                 | 0                  | 0      | 2                   | 2        | 0        | 0        | 7.816               | 2.148    | 5.668    | 0        | 5.575               |
| 4         | Sở Giao thông Vận tải           | 428                        | 596                           | 596                | 0        | 0        | 14.570          | 14.570   | 0        | 0        | 1.024                 | 0                  | 0      | 825                 | 825      | 0        | 0        | 14.627              | 14.627   | 0        | 0        | 199                 |
| 5         | Sở Kế hoạch và Đầu tư           | 38                         | 249                           | 53                 | 196      | 0        | 3.417           | 815      | 2.602    | 0        | 287                   | 0                  | 0      | 236                 | 40       | 196      | 0        | 3.451               | 849      | 2.602    | 0        | 51                  |
| 6         | Công ty CP Điện nước An Giang   | 0                          | 0                             | 0                  | 0        | 0        | 0               | 0        | 0        | 0        | 0                     | 0                  | 0      | 0                   | 0        | 0        | 0        | 0                   | 0        | 0        | 0        | 0                   |
| 7         | Công ty Điện lực An Giang       | 0                          | 0                             | 0                  | 0        | 0        | 0               | 0        | 0        | 0        | 0                     | 0                  | 0      | 0                   | 0        | 0        | 0        | 0                   | 0        | 0        | 0        | 0                   |
| 8         | Sở Công Thương                  | 19                         | 762                           | 0                  | 11       | 751      | 23.743          | 14       | 286      | 23.443   | 781                   | 9                  | 63     | 749                 | 0        | 4        | 745      | 23.747              | 13       | 282      | 23452    | 23                  |
| 9         | Sở Giáo dục và Đào tạo          | 282                        | 20                            | 19                 | 1        | 0        | 26.750          | 392      | 110      | 26.248   | 302                   | 0                  | 28     | 25                  | 22       | 0        | 3        | 26.483              | 380      | 86       | 26017    | 277                 |
| 10        | Sở Khoa học và Công nghệ        | 4                          | 3                             | 0                  | 1        | 2        | 55              | 0        | 29       | 26       | 7                     | 0                  | 1      | 3                   | 0        | 1        | 2        | 54                  | 0        | 30       | 24       | 4                   |
| 11        | Sở Lao động, Thương binh và XH  | 22                         | 7                             | 0                  | 4        | 3        | 427             | 0        | 383      | 44       | 29                    | 0                  | 46     | 4                   | 0        | 4        | 0        | 381                 | 0        | 347      | 34       | 25                  |
| 12        | Sở Ngoại vụ                     | 2                          | 0                             | 0                  | 0        | 0        | 14              | 0        | 14       | 0        | 2                     | 0                  | 0      | 2                   | 0        | 2        | 0        | 14                  | 0        | 14       | 0        | 0                   |
| 13        | Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn  | 52                         | 47                            | 1                  | 44       | 2        | 1.283           | 21       | 978      | 284      | 99                    | 5                  | 71     | 56                  | 1        | 53       | 2        | 1.213               | 21       | 910      | 282      | 38                  |
| 14        | Sở Nội vụ                       | 12                         | 4                             | 2                  | 0        | 2        | 339             | 33       | 1        | 305      | 16                    | 0                  | 17     | 9                   | 5        | 0        | 4        | 319                 | 33       | 1        | 285      | 7                   |
| 15        | Sở Thông tin và Truyền thông    | 3                          | 3                             | 0                  | 2        | 1        | 45              | 0        | 5        | 40       | 6                     | 1                  | 3      | 1                   | 0        | 0        | 1        | 45                  | 0        | 1        | 44       | 4                   |
| 16        | Sở Tài chính                    | 0                          | 1                             | 0                  | 0        | 1        | 16              | 0        | 3        | 13       | 1                     | 0                  | 2      | 0                   | 0        | 0        | 0        | 13                  | 0        | 1        | 12       | 1                   |
| 17        | Sở Tài nguyên và Môi trường     | 78                         | 13                            | 0                  | 13       | 0        | 579             | 241      | 320      | 18       | 91                    | 0                  | 3      | 18                  | 0        | 16       | 2        | 587                 | 315      | 264      | 8        | 73                  |
| 18        | Sở Tư pháp                      | 536                        | 316                           | 198                | 39       | 79       | 9.086           | 4.400    | 2.561    | 2.125    | 852                   | 0                  | 22     | 331                 | 197      | 33       | 101      | 9.091               | 4313     | 2676     | 2102     | 521                 |
| 19        | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 7                          | 18                            | 0                  | 1        | 17       | 362             | 0        | 23       | 339      | 25                    | 0                  | 24     | 15                  | 0        | 0        | 15       | 337                 | 0        | 21       | 316      | 10                  |
| 20        | Sở Xây dựng                     | 103                        | 32                            | 0                  | 11       | 21       | 940             | 200      | 309      | 431      | 135                   | 13                 | 165    | 46                  | 0        | 43       | 3        | 797                 | 223      | 179      | 395      | 76                  |
| 21        | Sở Y tế                         | 286                        | 44                            | 0                  | 30       | 14       | 1.701           | 24       | 707      | 970      | 330                   | 2                  | 40     | 76                  | 3        | 50       | 23       | 1.745               | 26       | 668      | 1051     | 252                 |
| Tổng cộng |                                 | 6.993                      | 3.463                         | 1.905              | 373      | 1.185    | 110.313         | 31.961   | 16.250   | 62.102   | 10.456                | 30                 | 485    | 3.036               | 1.445    | 402      | 1.189    | 106.124             | 30.439   | 13.753   | 61.932   | 7.390               |

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Hùng

**Kết quả thực hiện việc số hóa và ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính**  
(Từ ngày 05/7/2024 đến ngày 11/7/2024)

| STT | Đơn vị (Cơ quan)                | Hồ sơ tiếp nhận |              |                |             |              |                | Hồ sơ đã giải quyết |             |                |                |             |                |
|-----|---------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-------------|--------------|----------------|---------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|----------------|
|     |                                 | Trong kỳ        |              |                | Luỹ kế      |              |                | Trong kỳ            |             |                | Luỹ kế         |             |                |
|     |                                 | Tổng số         | Hồ sơ số hoá | Hồ sơ không số | Tổng số     | Hồ sơ số hoá | Hồ sơ không số | Tổng số             | Hồ sơ ký số | Hồ sơ không ký | Tổng số        | Hồ sơ ký số | Hồ sơ không ký |
| A   | B                               | (1)=(2)+(3)     | (2)          | (3)            | (4)=(5)+(6) | (5)          | (6)            | (7)=(8)+(9)         | (8)         | (9)            | (10)=(11)+(12) | (11)        | (12)           |
| 1   | Ban Quản lý Khu Kinh tế         | 2               | 2            | 0              | 23          | 23           | 0              | 0                   | 0           | 0              | 22             | 21          | 1              |
| 2   | Bảo hiểm xã hội                 | 575             | 575          | 0              | 15.237      | 15.237       | 0              | 638                 | 638         | 0              | 15.382         | 15.382      | 0              |
| 3   | Công an tỉnh                    | 771             | 0            | 771            | 11.726      | 0            | 11.726         | 2                   | 0           | 2              | 7.816          | 0           | 7.816          |
| 4   | Sở Giao thông Vận tải           | 596             | 596          | 0              | 14.570      | 14.570       | 0              | 825                 | 825         | 0              | 14.627         | 14.627      | 0              |
| 5   | Sở Kế hoạch và Đầu tư           | 249             | 249          | 0              | 3.417       | 3.417        | 0              | 236                 | 0           | 236            | 3.451          | 0           | 3.451          |
| 6   | Sở Công Thương                  | 756             | 755          | 1              | 23.680      | 21.206       | 2.474          | 749                 | 689         | 60             | 23.747         | 1.318       | 22.429         |
| 7   | Sở Giáo dục và Đào tạo          | 20              | 0            | 20             | 26.722      | 10.519       | 16.203         | 25                  | 1           | 24             | 26.483         | 24.312      | 2.171          |
| 8   | Sở Khoa học và Công nghệ        | 3               | 3            | 0              | 54          | 54           | 0              | 3                   | 3           | 0              | 54             | 54          | 0              |
| 9   | Sở Lao động, Thương binh và XH  | 7               | 7            | 0              | 382         | 382          | 0              | 4                   | 4           | 0              | 381            | 376         | 5              |
| 10  | Sở Ngoại vụ                     | 0               | 0            | 0              | 14          | 14           | 0              | 2                   | 2           | 0              | 14             | 14          | 0              |
| 11  | Sở Nông nghiệp và PT Nông thôn  | 45              | 43           | 2              | 1.213       | 1.104        | 109            | 56                  | 35          | 21             | 1.213          | 1.169       | 44             |
| 12  | Sở Nội vụ                       | 4               | 4            | 0              | 322         | 317          | 5              | 9                   | 7           | 2              | 319            | 286         | 33             |
| 13  | Sở Thông tin và Truyền thông    | 2               | 2            | 0              | 42          | 41           | 1              | 1                   | 1           | 0              | 45             | 45          | 0              |
| 14  | Sở Tài chính                    | 1               | 1            | 0              | 14          | 14           | 0              | 0                   | 0           | 0              | 13             | 13          | 0              |
| 15  | Sở Tài nguyên và Môi trường     | 13              | 13           | 0              | 576         | 564          | 12             | 18                  | 0           | 18             | 587            | 139         | 448            |
| 16  | Sở Tư pháp                      | 316             | 316          | 0              | 9.064       | 5.611        | 3.453          | 331                 | 330         | 1              | 9.091          | 8.917       | 174            |
| 17  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 18              | 17           | 1              | 338         | 333          | 5              | 15                  | 15          | 0              | 337            | 314         | 23             |
| 18  | Sở Xây dựng                     | 28              | 25           | 3              | 787         | 361          | 426            | 46                  | 18          | 28             | 797            | 763         | 34             |
| 19  | Sở Y tế                         | 43              | 43           | 0              | 1.661       | 1.621        | 40             | 76                  | 73          | 3              | 1.745          | 1.515       | 230            |
|     | Tổng số                         | 3.449           | 2.651        | 798            | 109.842     | 75.388       | 34.454         | 3.036               | 2.641       | 395            | 106.124        | 69.265      | 36.859         |

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Hùng

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2024

**THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỄ HẠN CỦA TẤT CẢ SỞ, BAN, NGÀNH**

(Từ ngày 05/07/2024 đến ngày 11/07/2024)

| STT | Lĩnh vực         | Thủ tục                                  | Số hồ sơ                   | TGQĐ hồ sơ                                                                                                                                                           | Người<br>đăng ký         | Địa chỉ                                                                       | Cán bộ tiếp nhận                                                                                | Bộ phận (phòng<br>chuyên môn) xử | Lãnh đạo / Cán bộ thực hiện trễ<br>hạn              | Ghi chú       |
|-----|------------------|------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Y tế dự<br>phòng | Công bố cơ sở đủ điều<br>kiện tiêm chủng | H01.15-<br>240627-<br>0001 | 10 ngày làm việc (Trễ hạn 5 giờ 14<br>phút)<br>- Ngày giờ tiếp nhận: 27/06/2024<br>08:27:18<br>- Hạn xử lý: 11/07/2024 08:27:18<br>- Ngày có KQ: 11/07/2024 13:42:00 | PHẠM THỊ<br>BẢO<br>XUYỀN | Tổ 5, ấp Vĩnh<br>Tây, xã Vĩnh<br>Trung, thị xã Tịnh<br>Biên, tỉnh An<br>Giang | Lương Tuyết<br>Ngân - Trung tâm<br>Phục vụ hành<br>chính công (Bộ<br>phận TN và TKQ<br>Số Y Tế) |                                  | Thời gian quy định<br>Từ đến<br>Thời gian thực hiện | Đã có kết quả |

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Hùng

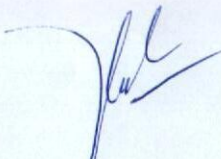
**BẢNG THEO DÕI LỊCH LÀM VIỆC**  
(Từ ngày 05/07/2024 đến ngày 11/07/2024)

- \* Quy ước:
- P: Nghỉ có phép (CQ: Nghỉ do sự điều động của cơ quan; CN: Nghỉ phép cá nhân)
  - K: Nghỉ không phép và không có người trực thay.
  - T: Đi trễ giờ

| TT | Họ và tên                     | Thứ 6<br>5/7/2024 |       | Thứ 2<br>08/07/2024 |       | Thứ 3<br>9/7/2024 |       | Thứ 4<br>10/07/2024 |       | Thứ 5<br>11/7/2024 |       | Ngày nghỉ            |                      |                         | Đi<br>trễ | Ghi chú |
|----|-------------------------------|-------------------|-------|---------------------|-------|-------------------|-------|---------------------|-------|--------------------|-------|----------------------|----------------------|-------------------------|-----------|---------|
|    |                               | Sáng              | Chiều | Sáng                | Chiều | Sáng              | Chiều | Sáng                | Chiều | Sáng               | Chiều | Tổng<br>số<br>(buổi) | Có<br>phép<br>(buổi) | Không<br>phép<br>(buổi) |           |         |
| 1  | Sở Khoa học và Công nghệ      |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Sở Tài chính                  |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Sở Ngoại vụ                   |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Phạm Thị Tuyết Trinh          |                   |       |                     |       | P                 |       |                     |       |                    |       | 1                    | 1                    | 0                       |           | 1CQ     |
| 2  | Sở Thông tin và Truyền thông  |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Mai Thị Trúc Phương           |                   |       |                     |       | P                 |       |                     |       |                    |       | 1                    | 1                    | 0                       |           | 1CQ     |
| 3  | Ban quản lý khu kinh tế       |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Sở Nội vụ                     |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Công ty CP Điện Nước An Giang |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Công ty Điện lực An Giang     |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Nguyễn Thanh Tiến             |                   |       |                     |       | P                 |       |                     |       |                    |       | 1                    | 1                    | 0                       |           | 1CQ     |
| 4  | Sở Tài nguyên và Môi trường   |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Phan Thị Huyền Trân           |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Nguyễn Thị Thúy An            |                   |       |                     |       |                   | P     |                     |       |                    |       | 1                    | 1                    | 0                       |           | 1CQ     |
| 5  | Sở Xây dựng                   |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Trương Nhơn Phước             |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 6  | Sở Giao thông vận tải         |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Phương Mai Hoàng Tuấn         |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 7  | Sở Kế hoạch và Đầu tư         |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Lê Thị Bé Thùy                |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       | P                  |       | 1                    | 1                    | 0                       |           | 1CQ     |
|    | Lâm Thị Hồng Hạnh             |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 8  | Bảo hiểm xã hội tỉnh          |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Đỗ Lê Phương Thảo             |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Phan Thị Quỳnh Giang          | P                 | P     |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       | 2                    | 2                    | 0                       |           | 2CN     |
| 9  | Sở Tư pháp                    |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Nguyễn Văn Tình               |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|    | Dương Thị Thu Oanh            |                   |       |                     |       | P                 |       |                     |       |                    |       | 1                    | 1                    | 0                       |           | 1CQ     |

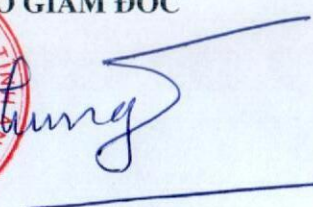
| TT         | Họ và tên                  | Thứ 6<br>5/7/2024 |       | Thứ 2<br>08/07/2024 |       | Thứ 3<br>9/7/2024 |       | Thứ 4<br>10/07/2024 |       | Thứ 5<br>11/7/2024 |       | Ngày nghỉ            |                      |                         | Đi<br>trở | Ghi chú |
|------------|----------------------------|-------------------|-------|---------------------|-------|-------------------|-------|---------------------|-------|--------------------|-------|----------------------|----------------------|-------------------------|-----------|---------|
|            |                            | Sáng              | Chiều | Sáng                | Chiều | Sáng              | Chiều | Sáng                | Chiều | Sáng               | Chiều | Tổng<br>số<br>(buổi) | Có<br>phép<br>(buổi) | Không<br>phép<br>(buổi) |           |         |
| 10         | Sở NN và PTNN              |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Nguyễn Bền Em              |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Nguyễn Thị Thúy            |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Nguyễn Bích Dung           |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 11         | Công an tỉnh               |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Dương Văn Khon             |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Đoàn Thị Ánh Hồng          |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Lê Văn Liệt                |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Trần Minh Lý               |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 12         | Sở Y tế                    |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Trần Ngọc Linh             |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Lương Tuyết Ngân           |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Huỳnh Thị An Nhiên         |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Lai Quốc Tiến              |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Nguyễn Hoàng Giang         |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 13         | Sở Lao động - TB và XH     |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Huỳnh Lê Bảo Uyên          |                   |       |                     |       | P                 |       | P                   | P     |                    |       | 3                    | 3                    | 0                       |           | 3CQ     |
| 14         | Sở Giáo dục và Đào tạo     |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Đinh Văn Liễu              |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 15         | Sở Văn hóa, Thể thao và DL |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Lê Thị Thủy Tiên           |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
| 16         | Sở Công thương             |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       |                      |                      |                         |           |         |
|            | Lư Thị Bích Tuyền          |                   | P     |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       | 1                    | 1                    | 0                       |           | 1CQ     |
| Tổng cộng: |                            |                   |       |                     |       |                   |       |                     |       |                    |       | 12                   | 12                   | 0                       |           |         |

Người lập bảng

  
Mai Thị Trúc Phương

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



  
Nguyễn Thanh Hùng